

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,640 – 1,660 cả ngày trước khi đóng cửa tại mốc 1,654.89 điểm, tăng nhẹ gần 3 điểm so với hôm qua. 9/18 ngành tăng điểm, nhưng số mã giảm áp đảo số mã tăng, cho thấy dòng tiền dù có sự phân hóa giữa các ngành nhưng vẫn tập trung vào một số mã nhất định trong từng ngành. Ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tiện ích. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. Biên độ dao động hôm nay dù vẫn rộng nhưng đã thu hẹp đáng kể so với những phiên trước. VN-Index cần thêm các phiên tích lũy trong ngắn hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 05/11/2025, các chứng quyền giao dịch kém tích cực.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+2.91** điểm, đóng cửa tại **1654.89** điểm. HNX-Index **+0.79** điểm, đóng cửa tại **266.7** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.96)**, **CTG (+1.68)**, **GAS (+1.42)**, **VCB (+1.33)**, **BID (+1.21)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-1.40)**, **FPT (-0.90)**, **HPG (-0.77)**, **VHM (-0.55)**, **MWG (-0.52)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,501** tỷ đồng, giảm **-40.80%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,211 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.07 điểm. Thị trường có **121** mã tăng, 56 mã tham chiếu, **190** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-807.96** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **TCB (-173.65 tỷ)**, **VRE (-126.89 tỷ)**, **GEX (-118.13 tỷ)**, **STB (-102.03 tỷ)**, **VCB (-97.53 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **45.55** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.32%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - PVS (+5.90%)** ([Link báo cáo](#))
 - BSR (+3.07%)** ([Link báo cáo](#))
 - DCM (+2.71%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.03%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - PVD (+5.90%)** ([Link báo cáo](#))
 - DPM (+5.06%)** ([Link báo cáo](#))
 - GAS (+4.13%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.32%	-0.03%	0.18%	-0.59%
1 tuần	-0.28%	-1.30%	-1.84%	-3.25%
1 tháng	-1.66%	-3.22%	-2.40%	-1.69%
3 tháng	0.39%	-2.17%	4.62%	8.74%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,654.89	266.70	116.50
% 1D	0.18%	0.30%	1.06%
GTKL (tỷ VND)	18,501	1,897	609
%1D	-40.80%	-21.23%	-42.96%
GDNN (tỷ VND)	-807.96	45.55	-111.15

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	119.36	TCB	-173.65
DXG	105.60	VRE	-126.89
FPT	86.99	GEX	-118.13
PVD	83.65	STB	-102.03
VNM	43.77	VCB	-97.53

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

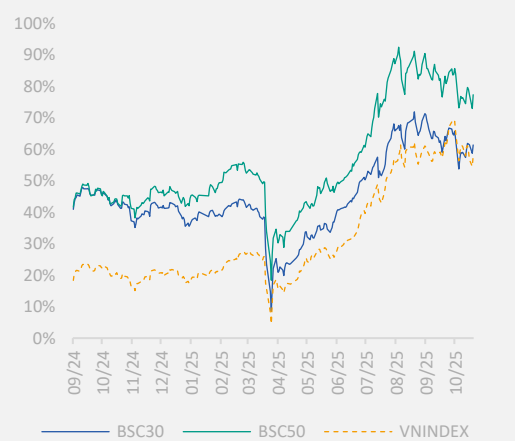
		%D	%W
SPX	6,772	-1.17%	-1.73%
FTSE100	9,712	-0.03%	-0.45%
Eurostoxx	5,637	-0.33%	-1.22%
Shanghai	3,969	0.23%	-1.17%
Nikkei	50,212	-2.50%	0.15%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.52	0.12%
Giá vàng	3,955	-0.91%
Tỷ giá		
USD/VND	26,351	0.01%
EUR/VND	30,991	-0.33%
JPY/VND	176	0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.01%
LS LNH 1M	5.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

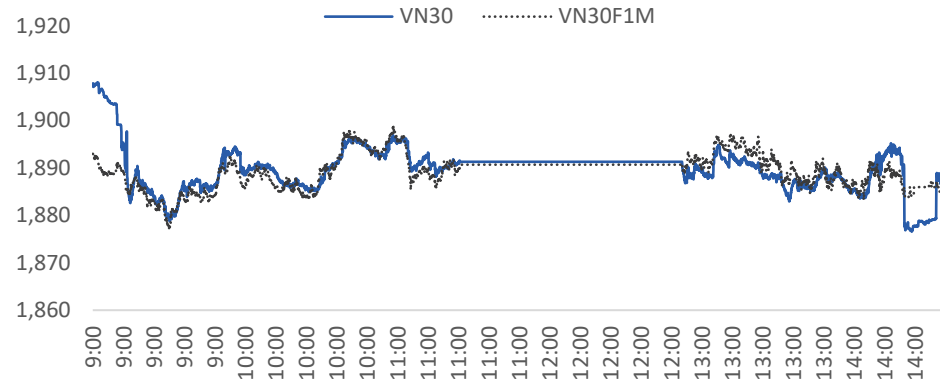
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1886.00	-0.63%	288,706	-21.1%	20/11/2025	15
41I1G6000	1880.00	-0.79%	22	-24.1%	18/06/2026	225
VN30F2512	1884.10	-0.59%	561	-56.2%	18/12/2025	43
41I1G3000	1882.10	-0.17%	76	-44.53%	19/03/2026	134

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -11.24 điểm, đóng cửa tại 1886.47 điểm. Biên độ dao động 18.19 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, MWG, TCB, VRE tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch. Thanh khoản thị trường ghi nhận sụt giảm dưới mức MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSSB2505	3/12/2025	28	800	21.27%	20.22	500	100.0%	0.01	21.22	17.50	17.50
CVNM2508	19/11/2025	14	265,500	12.45%	64.63	80	33.3%	0.00	65.22	58.00	58.00
CVPB2518	3/02/2026	90	2,300	2.70%	21.00	2,260	24.9%	2.13	30.04	29.25	29.25
CMSN2508	19/11/2025	14	165,000	4.71%	79.78	420	23.5%	0.25	83.98	80.20	80.20
CTPB2507	24/02/2026	111	3,800	31.75%	20.97	680	21.4%	0.14	22.27	16.90	16.90
CVNM2513	15/12/2025	40	638,400	6.02%	58.17	720	20.0%	0.39	61.49	58.00	58.00
CMWG2508	23/02/2026	110	8,200	9.27%	71.96	1,590	16.1%	1.17	87.64	80.20	80.20
CVNM2517	3/02/2026	90	10,100	18.65%	63.94	510	15.9%	0.09	68.82	58.00	58.00
CVPB2509	19/11/2025	14	11,500	-0.20%	22.07	3,660	15.8%	3.71	29.19	29.25	29.25
CVPB2521	23/07/2026	260	12,600	7.52%	22.15	3,100	14.8%	2.77	31.45	29.25	29.25
CVNM2509	23/02/2026	110	11,800	20.73%	66.48	480	14.3%	0.09	70.02	58.00	58.00
CVPB2522	23/07/2026	260	100	11.90%	24.65	4,040	13.8%	3.22	32.73	29.25	29.25
CVNM2521	25/06/2026	232	1,040,200	30.70%	67.30	890	11.3%	0.18	75.81	58.00	58.00
CFPT2508	5/02/2026	92	17,300	40.32%	137.99	520	10.6%	0.01	141.58	100.90	100.90
CTPB2508	25/12/2025	50	3,500	54.08%	25.40	320	10.3%	0.00	26.04	16.90	16.90
CSTB2525	23/07/2026	260	100	24.26%	57.20	2,320	8.9%	1.53	66.48	53.50	53.50
CHPG2536	25/06/2026	232	346,500	32.55%	32.90	980	8.9%	0.56	34.86	26.30	26.30
CMSN2517	3/12/2025	28	56,200	14.20%	86.69	490	8.9%	0.11	91.59	80.20	80.20
CSSB2506	3/02/2026	90	2,200	23.51%	20.56	530	8.2%	0.09	21.62	17.50	17.50
CFPT2523	25/03/2026	140	100,600	34.09%	117.80	700	7.7%	0.09	135.30	100.90	100.90

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 05/11/2025, các chứng quyền giao dịch kém tích cực.
 - CSSB2505 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CMWG2510 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.43%.
 - CVHM2521, CTPB2510, CSSB2509, CMBB2521, CTCB2517 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	206.50	2.74%	5.19
VNM	58.00	1.22%	0.89
CTG	51.30	2.70%	0.74
GAS	63.00	4.13%	0.47
VCB	60.80	1.16%	0.43

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	100.90	-2.32%	-5.08
HPG	26.30	-1.68%	-2.82
MWG	80.20	-1.96%	-2.64
TCB	34.10	-2.57%	-2.26
VRE	32.50	-2.99%	-1.34

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	206.50	2.74%	4.96	3.88
CTG	51.30	2.70%	1.68	5.37
GAS	63.00	4.13%	1.42	2.41
VCB	60.80	1.16%	1.33	8.36
BID	38.65	1.98%	1.21	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	85.90	5.40%	2.45	0.90
PVS	34.10	5.90%	0.56	0.48
PTI	42.00	7.69%	0.23	0.12
HUT	18.30	1.67%	0.19	1.07
THD	31.00	1.97%	0.14	0.38

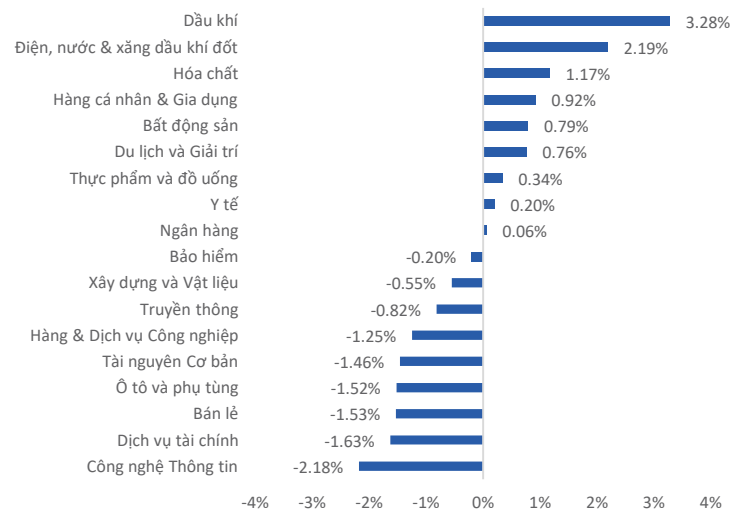
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	9.36	6.97%	0.01	0.01
LGC	64.00	6.67%	0.20	0.00
DQC	11.00	6.28%	0.00	0.02
PVD	24.25	5.90%	0.18	32.50
DPM	24.90	5.06%	0.19	12.09

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BNA	7.90	9.72%	0.08	1.17
PTX	28.50	9.62%	0.06	0.00
SDU	18.30	9.58%	0.12	0.00
PJC	32.00	9.22%	0.08	0.00
CAG	7.60	8.57%	0.03	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	34.10	-2.57%	-1.40	7.09
FPT	100.90	-2.32%	-0.90	1.70
HPG	26.30	-1.68%	-0.77	7.68
VHM	99.60	-0.60%	-0.55	4.11
MWG	80.20	-1.96%	-0.52	1.48

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	11.60	-9.38%	-0.44	0.68
MBS	29.60	-2.63%	-0.27	0.59
PVI	78.80	-2.48%	-0.27	0.23
NVB	14.10	-2.76%	-0.27	1.17
CEO	24.50	-2.39%	-0.19	0.57

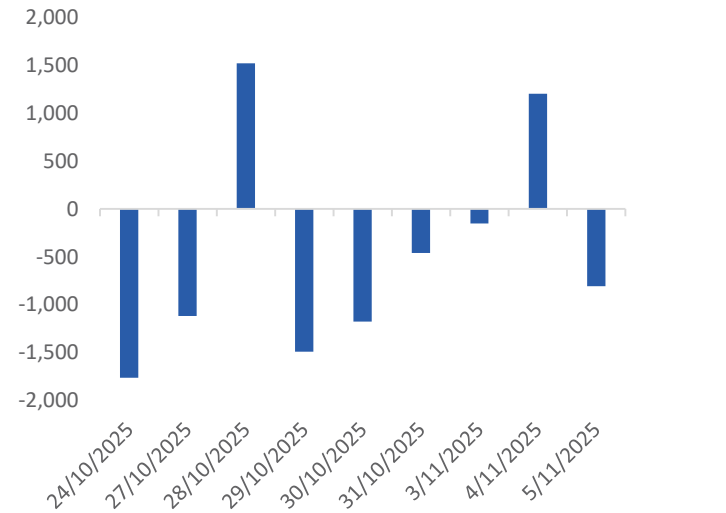
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUCTVGF5	11.45	-6.91%	0.00	0.00
SVC	30.00	-6.10%	-0.04	0.02
VSC	21.60	-5.88%	-0.11	7.20
TNI	5.65	-5.83%	0.00	0.09
KHG	8.20	-5.75%	-0.05	15.07

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTT	19.90	-9.95%	-0.03	0.00
NAG	8.50	-9.57%	-0.11	1.20
DTK	11.60	-9.38%	-2.62	0.02
MKV	14.00	-9.09%	-0.02	0.01
VDL	9.00	-9.09%	-0.04	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	80.2	-2.0%	1.3	118,572	415.7	3,955	20.3	100,800	46.4%	Link
KBC	Bất động sản	35.1	-1.5%	1.2	33,056	95.1	1,872	18.8	46,000	10.5%	Link
KDH	Bất động sản	35.0	-1.8%	1.4	39,221	222.8	857	40.8	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	22.5	-1.8%	1.6	21,997	186.6	211	106.4	28,200	9.3%	Link
VHM	Bất động sản	99.6	-0.6%	1.0	409,098	419.2	6,133	16.2	119,600	9.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	100.9	-2.3%	0.6	171,884	1348.2	5,280	19.1	118,700	37.9%	Link
BSR	Dầu khí	16.8	3.1%	0.0	84,123	180.7	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	34.1	5.9%	1.6	16,299	576.9	3,040	11.2	42,800	10.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.1	-2.3%	1.4	24,893	176.7	1,439	16.0		35.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.9	0.4%	1.3	72,449	1065.0	1,882	18.5		33.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.4	-3.0%	1.3	26,989	335.6	1,589	23.5		20.7%	
DCM	Hóa chất	36.0	2.7%	1.3	19,032	198.9	3,578	10.1	47,300	4.7%	Link
DGC	Hóa chất	95.0	0.4%	1.4	36,079	95.4	8,296	11.5	109,300	11.8%	Link
ACB	Ngân hàng	25.6	-1.5%	0.9	131,498	264.5	3,385	7.6	28,400	29.5%	Link
BID	Ngân hàng	38.7	2.0%	1.0	271,376	151.9	3,781	10.2	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	51.3	2.7%	1.2	275,481	543.8	6,208	8.3	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	31.1	-0.2%	1.2	119,835	295.3	3,679	8.4	30,800	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	23.9	-0.4%	1.2	192,514	362.6	3,017	7.9	32,000	20.8%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	-0.8%	1.1	38,064	40.0	1,729	7.1	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	53.5	-0.7%	1.0	100,859	708.1	6,519	8.2		17.0%	
TCB	Ngân hàng	34.1	-2.6%	1.0	241,641	437.2	3,112	11.0	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.9	-2.0%	1.2	46,882	79.7	2,358	7.2	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	60.8	1.2%	0.9	508,025	278.9	4,202	14.5	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	18.8	-1.1%	0.9	63,825	132.8	2,225	8.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.3	-0.9%	1.1	232,067	398.6	2,603	11.2	35,650	24.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.3	-1.7%	1.3	201,865	645.8	1,876	14.0	33,170	18.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.1	-0.3%	1.3	10,619	77.5	1,178	14.5	19,800	5.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.8	-2.1%	1.3	9,930	68.2	4,150	6.2	31,700	2.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	80.2	0.3%	1.2	115,962	710.3	2,196	36.5	92,700	22.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.0	1.2%	0.8	121,217	222.5	4,160	13.9	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.8	-1.85%	1.3	8,803	31.3	2,413	16.5	20.3%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	143.0	0.00%	0.9	24,353	69.9	3,620	39.5	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.5	0.37%	1.2	40,457	46.1	3,594	15.2	27.0%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.2	-2.42%	1.4	16,048	111.6	518	38.9	5.0%	4.4%	
DXG	Bất động sản	20.1	-0.25%	1.5	20,480	357.6	401	50.2	21.9%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	32.7	-2.39%	1.4	5,823	56.4	3,424	9.5	4.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.9	-2.22%	1.6	11,432	36.4	938	32.9	20.4%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	38.6	1.31%	1.4	14,649	50.3	4,849	8.0	10.7%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	37.6	-1.57%	1.3	18,243	37.8	2,192	17.2	46.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	55.9	-0.18%	1.1	13,534	12.9	5,474	10.2	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.9	0.00%	1.1	5,553	11.4	1,763	17.5	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	22.0	2.09%	1.4	19,111	134.4	852	25.8	12.4%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	206.5	2.74%	0.9	795,648	440.5	2,287	90.3	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	32.5	-2.99%	1.0	73,850	282.5	2,144	15.2	15.1%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.3	-0.76%	1.3	8,322	18.8	1,833	21.4	38.6%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	35.2	2.92%	1.0	44,725	152.1	2,090	16.8	15.3%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.3	5.90%	1.2	13,480	781.3	1,602	15.1	3.9%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.0	-2.51%	1.3	12,127	35.8	1,262	27.7	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.6	-2.63%	1.7	19,498	70.0	1,667	17.8	5.3%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.0	4.13%	1.0	152,016	105.7	5,014	12.6	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.7	3.16%	1.2	34,426	186.6	812	18.1	2.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.2	0.31%	0.8	35,316	9.4	4,776	13.7	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	184.5	-0.70%	0.9	109,152	416.2	2,897	63.7	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.3	-3.92%	1.5	40,879	395.4	2,313	19.6	9.2%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.0	-0.45%	1.2	28,575	156.7	3,505	19.1	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.9	-1.77%	1.1	10,284	102.7	6,185	9.9	8.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.0	4.05%	1.2	8,459	114.4	2,090	8.6	8.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	110.0	0.18%	0.0	13,396	79.2	3,139	35.0	5.0%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	91.4	1.56%	1.2	31,181	27.0	6,922	13.2	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.1	0.18%	1.0	3,148	37.4	2,535	11.1	48.6%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.4	0.00%	1.4	2,497	9.1	2,881	6.7	17.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.9	5.06%	1.1	16,930	296.2	1,212	20.5	4.9%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	29.1	1.04%	1.3	116,200	140.2	1,569	18.5	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.3	-0.89%	1.3	41,539	55.9	1,635	13.6	4.2%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	51.5	-0.39%	0.5	153,845	86.7	3,469	14.9	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	0.00%	0.0	24,620	20.8	2,337	6.1	1.3%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.5	-1.19%	1.0	33,155	123.3	1,460	8.5	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.0	0.89%	1.3	7,586	185.5	571	29.7	5.2%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.1	-3.44%	1.4	7,482	38.7	2,829	9.9	4.3%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.3	0.00%	0.6	9,805	28.7	1,715	18.8	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.2	-0.11%	0.6	59,254	28.1	3,373	13.7	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.7	0.86%	1.1	13,175	144.3	6,944	8.5	19.5%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	171.0	0.00%	0.5	13,998	9.4	14,639	11.7	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	96.8	2.65%	1.3	9,818	102.8	6,560	14.8	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.5	0.22%	1.2	10,352	47.6	5,128	17.7	5.4%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.5	-0.80%	1.4	4,380	13.7	3,037	14.3	5.3%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.1	-2.08%	1.3	7,014	62.4	1,106	12.8	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.6	-0.40%	1.1	8,798	42.2	1,584	15.5	12.0%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.2	-2.81%	1.2	15,645	174.8	6,148	3.9	5.9%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.9	-2.19%	1.5	21,028	36.4	3,090	15.2	3.9%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>